

QUỐC HỘI KHÓA XIV
ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Gia Lai, ngày 22 tháng 02 năm 2021

Số: 33/ĐĐBQH-VP

V/v các bộ, ngành trả lời kiến nghị
của cử tri tỉnh Gia Lai gửi đến kỳ họp
thứ 10, Quốc hội khóa XIV

Kính gửi:

- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở: Xây dựng; Công Thương; Tài nguyên và Môi trường;
Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Báo Gia Lai, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh.

Tại kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai tổng hợp các ý kiến, kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, chỉ đạo.

Đến nay, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh nhận văn bản của các bộ, ngành trung ương trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai gửi đến kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV (Kèm theo bản sao các công văn trả lời của các bộ, ngành).

Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai thông báo để Quý cơ quan nghiên cứu trong quá trình triển khai thực hiện chính sách, pháp luật và phổ biến cho cử tri biết.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lãnh đạo Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo VP Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Website HĐND tỉnh;
- Lưu VPĐĐBQH.

TL. TRƯỞNG ĐOÀN
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Lê Thanh Hùng

BỘ XÂY DỰNG

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 5829/BXD-QHKT

Hà Nội, ngày 04 tháng 12 năm 2020

V/v trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia Lai
hội trước kỳ họp thứ 10

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI

Số: 1191

ĐẾN Ngày: 04/12/2020

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Ngày 02/11/2020, Bộ Xây dựng nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai gửi tới Quốc hội trước Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV do Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến theo Công văn số 386/BDN ngày 29/10/2020, nội dung kiến nghị như sau:

Câu số 11: “Chính phủ đã ban hành Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 quy định một số điều của Luật Kiến trúc, tuy nhiên Bộ Xây dựng chưa công bố phương pháp xác định chi phí cho công tác lập và tổ chức thực hiện quy chế quản lý kiến trúc. Do đó, hiện nay việc lập quy chế gặp vướng mắc và chưa triển khai thực hiện được. Cử tri đề nghị Bộ Xây dựng sớm ban hành hướng dẫn về chi phí lập quy chế quản lý kiến trúc để có cơ sở triển khai thực hiện”.

Bộ Xây dựng xin trả lời như sau:

Theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 15 của Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc, Bộ Xây dựng công bố phương pháp xác định chi phí cho công tác lập và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý kiến trúc. Hiện nay, Bộ Xây dựng đã tổ chức xây dựng Thông tư về phương pháp xác định chi phí cho công tác lập và tổ chức thực hiện Quy chế quản lý kiến trúc, đang thực hiện lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định, dự kiến ban hành trong Quý I năm 2021.

Trên đây là trả lời của Bộ Xây dựng đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai. Bộ Xây dựng chân thành cảm ơn sự quan tâm của cử tri và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai đối với ngành Xây dựng trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được nhiều ý kiến đóng góp trong thời gian tới./.

Nơi nhận: *H*

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện;
- ĐCT UBTWMTQVN;
- Tổng thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- TT. HĐND, UBND tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, Vụ QHKT.



Phạm Hồng Hà

Số: 470 /BXD-QHKT

Hà Nội, ngày 08 tháng 02 năm 2021

kiến nghị của cử tri tỉnh
Gia Lai sau Kỳ họp thứ 10, QH14

Kính gửi: Trưởng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Xây dựng nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai gửi tới Thủ tướng Chính phủ sau Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV do Văn phòng Chính phủ chuyển đến theo Công văn số 11038/VPCP-QHĐP ngày 31/12/2020, nội dung kiến nghị như sau:

Câu số 55: “Đề nghị Chính phủ tiếp tục tập trung chỉ đạo quyết liệt giải quyết các dự án quy hoạch treo làm lãng phí nguồn lực, thiệt hại đến quyền và lợi ích người dân và Nhà nước, gây bức xúc xã hội. Đồng thời, giải quyết xử lý nghiêm các dự án bất động sản ma, các dự án bất động sản lừa đảo, chây ì... đã và đang gây bức xúc, bất bình xã hội, gây mất trật tự ở nhiều tỉnh”.

Bộ Xây dựng xin trả lời như sau:

1. Đối với tình trạng các dự án quy hoạch treo làm lãng phí nguồn lực, thiệt hại đến quyền và lợi ích người dân và Nhà nước, gây bức xúc xã hội:

Tình trạng “quy hoạch treo” là do việc tổ chức triển khai đầu tư xây dựng chậm hoặc không thực hiện theo quy hoạch. Đây là hiện tượng làm lãng phí nguồn lực, tác động tiêu cực đến quyền, lợi ích người dân và Nhà nước, gây bức xúc xã hội như cử tri đã nêu.

Pháp luật hiện hành đã quy định cụ thể về việc lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch, trong đó có các quy định đảm bảo về quyền của các tổ chức, cá nhân trong khu vực quy hoạch nhưng Nhà nước chưa thực hiện thu hồi (khoản 7 Điều 62 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009), quy định điều kiện chung đối với cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đối với khu vực quy hoạch chưa thực hiện thu hồi (điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều 94 Luật Xây dựng năm 2014, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 33 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng năm 2020)...

Thực hiện Nghị quyết số 59/2018/QH14 ngày 16/6/2018 của Quốc hội về Chương trình giám sát của Quốc hội năm 2019 về thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực đến hết năm 2018, Bộ Xây dựng đã có Báo cáo số 28/BC-BXD ngày 15/3/2019 về vấn đề này, trong đó, Bộ Xây dựng đã xác định rõ các nguyên nhân và đề xuất các giải pháp khắc phục. Quốc hội cũng đã ban hành Nghị Quyết số 82/2019/QH14 ngày 14/6/2019 về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị.



Quan điểm của Bộ Xây dựng là Nhà nước phải bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân tại khu vực “quy hoạch treo”. Hiện nay, để tăng cường công khai, cung cấp thông tin quy hoạch được duyệt, Bộ Xây dựng đã hoàn thành và đưa vào vận hành Cổng thông tin điện tử quốc gia về quy hoạch xây dựng tại địa chỉ <http://quyhoach.xaydung.gov.vn>. Đồng thời, Bộ Xây dựng cũng đã có văn bản đôn đốc các địa phương đăng tải thông tin quy hoạch xây dựng tại địa phương lên Cổng thông tin điện tử về quy hoạch xây dựng theo trách nhiệm quản lý và thực hiện quy hoạch xây dựng tại địa phương.

Với trách nhiệm quản lý nhà nước được giao trong lĩnh vực xây dựng, trong thời gian tới, Bộ Xây dựng sẽ phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp như sau:

- Tổ chức triển khai thực hiện nghiêm Nghị quyết số 82/20019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội về tiếp tục hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch, quản lý, sử dụng đất đai tại đô thị và Nghị quyết số 116/NQ-CP ngày 06/12/2019 của Chính phủ về Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 82/2019/QH14 ngày 14/6/2019 của Quốc hội.

- Đề xuất với cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế chính sách thu hút đầu tư (xã hội hóa) và đa dạng hóa hình thức đầu tư (BT, PPP...) cho việc đầu tư các công trình xã hội như công viên cây xanh, y tế, giáo dục và giao thông.

- Triển khai thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg ngày 01/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chấn chỉnh công tác quy hoạch xây dựng, quản lý phát triển theo đô thị theo quy hoạch được duyệt.

- Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc các địa phương trong công tác quản lý, thực hiện quy hoạch để kịp thời phát hiện, xử lý các vi phạm như thu hồi các dự án chậm tiến độ theo quy định; xử lý các cán bộ gây ách tắc, làm thiệt hại cho nhà đầu tư, Nhà nước, ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của người dân.

- Tăng cường nâng cao chất lượng Cổng thông tin điện tử Quốc gia về quy hoạch xây dựng và đôn đốc các địa phương kịp thời đăng tải thông tin quy hoạch để người dân thuận tiện theo dõi, giám sát việc thực hiện quy hoạch.

Đối với chính quyền các địa phương cần thực hiện:

- Rà soát quy hoạch, kịp thời điều chỉnh hoặc hủy bỏ các quy hoạch đã quá thời hạn và không có tính khả thi.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch, công khai quy hoạch và kế hoạch thực hiện theo đúng quy định.

- Lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm, trong đó có lĩnh vực đầu tư phát triển đô thị, hạ tầng đô thị.

- Xây dựng chương trình đô thị, khu vực phát triển đô thị và kiểm soát chặt chẽ tốc độ, chất lượng phát triển đô thị.

- Cụ thể hóa các quy định, văn bản pháp luật phù hợp với điều kiện đặc thù của địa phương trong việc tham gia của cộng đồng dân cư; việc giám sát của

người dân và các tổ chức chính trị - xã hội ở địa phương; phổ biến và tuyên truyền sự tham gia của người dân trong quá trình thực hiện quy hoạch.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đến người dân và doanh nghiệp các quy định của pháp luật về quy hoạch, quản lý phát triển đô thị và quản lý đất đai nhằm hiểu đúng và áp dụng đúng, bảo đảm việc sử dụng nguồn tài nguyên đất đai thực sự có hiệu quả, đặc biệt tại các đô thị.

- Kịp thời xử lý các vi phạm trong việc thực hiện quy hoạch.

2. Đối với tình trạng các dự án bất động sản ma, lừa đảo, chây ì... đã và đang gây bức xúc, bất bình xã hội, gây mất trật tự ở nhiều tỉnh:

Hiện nay, hệ thống pháp luật hiện hành (Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản...) đã có các quy định tương đối đầy đủ, rõ ràng, điều chỉnh mọi lĩnh vực hoạt động kinh doanh bất động sản, từ trình tự, thủ tục đầu tư xây dựng, điều kiện của bất động sản được đưa vào kinh doanh và trách nhiệm của các chủ đầu tư dự án đối với các dự án bất động sản đến quy định về việc xử lý các hành vi vi phạm pháp luật. Bên cạnh đó, pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính, xử lý hình sự cũng đã có các quy định để xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật trong lĩnh vực này.

Tuy nhiên, trên thực tế tại một số địa phương, trong một số thời điểm vẫn xảy ra tình trạng một số tổ chức, cá nhân cố tình vi phạm, lập nên các dự án không có thực, các dự án chưa đủ điều kiện được đưa vào kinh doanh (dự án ma) để lừa đảo người dân, đã và đang gây bức xúc, bất bình xã hội, gây mất trật tự ở nhiều tỉnh, thành phố như cử tri phản ánh. Nguyên nhân xảy ra tình trạng này có nhiều nhưng chủ yếu là do: thông tin về quy hoạch, dự án... chưa được kịp thời, công khai, minh bạch dẫn đến một số tổ chức, cá nhân lợi dụng để quảng bá, cung cấp thông tin sai sự thật nhằm trục lợi; do hành vi vi phạm chưa được kịp thời phát hiện, ngăn chặn ngay từ khi mới phát sinh; việc xử lý và công khai việc xử lý hành vi vi phạm để cảnh tỉnh, răn đe và cho người dân biết, hiểu chưa kịp thời...

Về phía Bộ Xây dựng, theo chức năng, nhiệm vụ được giao, trong thời gian vừa qua, Bộ Xây dựng đã xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 11/CT-TTg ngày 23/4/2019 về một số giải pháp thúc đẩy thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh. Trong đó, chỉ đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kịp thời các vi phạm trong thực hiện quy định pháp luật về đầu tư, xây dựng, kinh doanh bất động sản; kiểm tra, rà soát và công khai danh sách các dự án bất động sản chủ đầu tư đã thế chấp ngân hàng, không thực hiện bảo lãnh ngân hàng, các dự án có vi phạm pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, kinh doanh... Đồng thời, Bộ Xây dựng cũng đã có nhiều văn bản đôn đốc các địa phương tăng cường việc công khai thông tin, kịp thời nắm bắt và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh bất động sản.

Trong thời gian tới, Bộ Xây dựng sẽ tiếp tục đôn đốc các địa phương tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp đã được Thủ tướng Chính phủ giao tại Chỉ thị số 11/CT-TTg, tăng cường công khai, minh bạch thông tin quy hoạch, dự án... trên địa bàn, không để đối tượng xấu lợi dụng để lừa đảo, trục lợi; đồng thời, Bộ Xây dựng sẽ phối hợp với các địa phương tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra để kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các trường hợp vi phạm có thể xảy ra và sẽ xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm theo thẩm quyền.

Bên cạnh đó, Bộ Xây dựng sẽ nghiên cứu, xây dựng, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 117/2015/NĐ-CP của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản để trình Chính phủ ban hành nhằm cung cấp thông tin công khai, minh bạch để bảo đảm cho thị trường bất động sản phát triển ổn định, lành mạnh, hạn chế tối đa các trường hợp cố tình vi phạm, lừa đảo, chây ì...

Trên đây là trả lời của Bộ Xây dựng đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai. Bộ Xây dựng chân thành cảm ơn sự quan tâm của cử tri và Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai đối với ngành Xây dựng trong thời gian qua và mong muốn tiếp tục nhận được nhiều ý kiến đóng góp trong thời gian tới. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Ban Dân nguyện;
- ĐCT UBTWMTTQVN;
- Tổng thư ký, Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ;
- TT. HĐND, UBND tỉnh Gia Lai;
- Lưu: VT, Vụ QHKT.



Phạm Hồng Hà

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 802/BCT-KH

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2021

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
sau Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV

M.G.

Ngày: 18/2/2021

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Công Thương nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Văn bản số 427/BDN ngày 18 tháng 12 năm 2020, nội dung kiến nghị như sau:

“Hiện nay, tình trạng hàng giả, hàng nhái, đặc biệt là phân bón giả, kém chất lượng vẫn còn buôn bán trên thị trường, gây ảnh hưởng lớn đến nông dân mua phải phân bón giả. Cử tri đề nghị Bộ tăng cường chỉ đạo, khắc phục tình trạng hàng giả vẫn còn được sản xuất, phân phối và tiêu thụ trên thị trường gây thiệt hại cho nông dân”.

Bộ Công Thương xin trả lời như sau:

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo 389 Quốc gia đã có nhiều chỉ đạo quyết liệt về công tác đấu tranh phòng chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, trong đó, có mặt hàng phân bón giả, kém chất lượng. Cụ thể như: Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2015 về việc đẩy mạnh công tác chống buôn lậu trong tình hình mới; Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 về một số giải pháp cấp bách trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp; Kế hoạch về tăng cường công tác phòng, chống buôn lậu, sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật giả, kém chất lượng...

Mặt khác, nhằm quản lý chặt chẽ hơn đối với mặt hàng phân bón, Chính phủ ban hành Nghị định số 108/2017/NĐ-CP ngày 20 tháng 9 năm 2017 về quản lý phân bón thay thế Nghị định số 202/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013. Trong đó, giao Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phân bón; Bộ Công Thương phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch và chính sách đối với sản xuất phân bón vô cơ; chỉ đạo các cơ quan quản lý thị trường phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thanh tra, kiểm tra việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động buôn bán phân bón trên địa bàn.

Trong thời gian qua, thực hiện nhiệm vụ được giao, Bộ Công Thương chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường cả nước, nhất là lực lượng quản lý thị trường các tỉnh khu vực Tây Nguyên phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Công an, Thanh tra các Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Thanh tra Khoa học và Công nghệ, Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và các cơ quan liên quan kiểm tra việc chấp hành các quy định pháp luật trong sản xuất, gia công, kinh

doanh phân bón vô cơ, đặc biệt lưu ý việc lấy mẫu, kiểm nghiệm phân bón và chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định.

Lực lượng quản lý thị trường đã duy trì, thực hiện nghiêm túc công tác rà soát các tổ chức, cá nhân sản xuất, gia công, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật trên địa bàn, phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra giấy phép sản xuất phân bón, việc duy trì các điều kiện sản xuất, gia công phân bón; hồ sơ công bố hợp quy; việc chấp hành các quy định của pháp luật về chất lượng phân bón, về ghi nhãn, về hoá đơn, chứng từ chứng minh nguồn gốc phân bón. Đồng thời, phối hợp với các cơ quan thông tin báo, đài phát thanh của tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố, qua công tác kiểm tra kết hợp tuyên truyền nâng cao nhận thức cho các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; cử công chức trực tiếp tới các cơ sở kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật thực hiện ký cam kết không kinh doanh phân bón, thuốc bảo vệ thực vật nhập lậu, giả, kém chất lượng.

Về kết quả đạt được, riêng năm 2020, lực lượng Quản lý thị trường phát hiện, xử lý trên 66.000 vụ vi phạm; thu nộp ngân sách nhà nước trên 352,15 tỷ đồng; trị giá hàng tịch thu chưa bán (ước tính) trên 136 tỷ đồng. Trị giá hàng hoá vi phạm (ước tính) trên 392 tỷ đồng. Trong đó, đã chuyển cơ quan điều tra, xem xét trách nhiệm hình sự đối 157 vụ; đã xử lý 26 vụ; đang xem xét 81.

Mặc dù lực lượng quản lý thị trường và các lực lượng chức năng đã có nhiều cố gắng trong công tác kiểm tra, xử lý vi phạm. Tuy nhiên, tình hình buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả vẫn diễn biến phức tạp, trong đó vi phạm về mặt hàng phân bón giả, kém chất lượng vẫn còn xảy ra, nhất là ở các vùng nông nghiệp lớn như Đồng bằng sông Cửu Long. Trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tiếp tục chỉ đạo lực lượng quản lý thị trường tập trung thực hiện những nội dung trọng tâm sau:

- Tiếp tục tổ chức thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 15/CT-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp cấp bách trong quản lý chất lượng vật tư nông nghiệp; Chỉ thị số 10/CT-BCT ngày 08 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc tiếp tục tăng cường triển khai công tác thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật trong lĩnh vực phân bón vô cơ....

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo lực lượng chức năng tăng cường thanh tra, kiểm tra tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón trên địa bàn trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về điều kiện kinh doanh, ghi nhãn, việc chấp hành các quy định về chất lượng, hoá đơn, nguồn gốc phân bón lưu thông trên thị trường nhằm ngăn chặn việc kinh doanh phân bón nhập lậu, phân bón giả, phân bón kém chất lượng theo chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền được giao.

- Chú trọng công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định của pháp luật trong sản xuất, kinh doanh phân bón nhằm nâng cao nhận thức cho các tổ chức,

cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón, góp phần ngăn chặn việc sản xuất, kinh doanh phân bón giả, phân bón kém chất lượng. Thông báo kịp thời trên các phương tiện thông tin đại chúng kết quả kiểm tra, xử lý tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

- Phối hợp chặt chẽ với Hiệp hội Phân bón Việt Nam và các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón và nhân dân trong việc cung cấp thông tin về các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh phân bón giả, kém chất lượng để kiểm tra, xử lý ngay các vi phạm pháp luật trong sản xuất, kinh doanh phân bón.

Trên đây là trả lời của Bộ Công Thương đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai. Trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBTVQH;
- Tổng thư ký Quốc hội;
- Ban Dân nguyện;
- Bộ trưởng, chủ nhiệm VPCP;
- Lãnh đạo Bộ;
- QLTT;
- Lưu: VT, KHmth (2b).



Trần Tuấn Anh

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **779** /BCT-KH

Hà Nội, ngày **08** tháng **02** năm **2021**

V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới
sau Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV

Stamp: **QUỐC HỘI**
Số: **MS**
ĐẾN NGÀY: **18/2/2021**
Chức vụ: **.**
Lưu hồ sơ số: **.**

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Công Thương nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Văn phòng Chính phủ chuyển đến theo Văn bản số 11038/VPCP-QHĐP ngày 31 tháng 12 năm 2020, nội dung kiến nghị như sau:

“Thời gian qua việc phát triển ở at thủy điện nhỏ ở Tây Nguyên không những gây ra nhiều hệ lụy lớn cho hệ sinh thái, người dân và đồng bào dân tộc thiểu số Tây nguyên đã phải di dời, nhường chỗ xây dựng thủy điện, nay lại tiếp tục tự gánh chịu hậu quả từ các đợt xả lũ, bên cạnh công tác quản lý, giám sát các công trình thủy điện, cử tri cũng đề nghị sớm có quy định về việc bồi thường, hỗ trợ khi các thủy điện xả lũ làm ảnh hưởng, gây thiệt hại đến diện tích đất sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi của các hộ dân vùng hạ du, nhằm cân bằng lợi ích giữa các bên”.

Bộ Công Thương xin trả lời như sau:

Việc kiểm soát, kiểm tra chiếm dụng đất rừng và các ảnh hưởng đến môi trường tại các dự án thủy điện đã được Bộ Công Thương chỉ đạo thực hiện xuyên suốt từ giai đoạn quy hoạch, chuẩn bị đầu tư đến giai đoạn thi công xây dựng công trình. Cụ thể:

1. Giai đoạn quy hoạch:

Bộ Công Thương ban hành Thông tư số 43/2012/TT-BCT ngày 27/12/2012 quy định về quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng dự án thủy điện và vận hành khai thác công trình thủy điện. Theo đó, khi xem xét quy hoạch các dự án thủy điện phải đảm bảo các tiêu chí về hiệu quả kinh tế - kỹ thuật, tiêu chí môi trường - xã hội (không chiếm dụng quá 10 ha/01MW và không ảnh hưởng di dân quá 01 hộ/01MW) và phải tuân thủ quy định tại Luật Lâm nghiệp, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Xây dựng, Luật Điện lực...

Thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 của Quốc hội về tăng cường công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng, vận hành khai thác công trình thủy điện, Nghị quyết số 11/NĐ-CP ngày 18/4/2014 của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 62/2013/QH13 của Quốc hội, Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, các Chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, thời gian qua Bộ Công Thương không xem xét bổ sung quy hoạch đối với dự án thủy điện có chiếm diện tích đất rừng tự nhiên và các dự án có quy mô nhỏ hơn 03 MW.

2. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

Trong giai đoạn đầu tư, Theo quy định của Luật Xây dựng, Bộ Công Thương thẩm định thiết kế dự án/công trình cấp I trở lên hoặc công trình nằm trên địa bàn 02 tỉnh trở lên; Sở Công Thương thẩm định đối với các dự án còn lại. Công tác thẩm định bao gồm nội dung về sự phù hợp của Dự án với quy hoạch được duyệt, trong đó có kiểm soát vị trí công trình và diện tích chiếm đất, đặc biệt là đất rừng.

Ngoài ra, trong giai đoạn này, theo quy mô dự án, Bộ Tài nguyên và Môi trường và Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì việc thẩm định, phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường, trong đó xem xét kỹ tác động ảnh hưởng của Dự án đến môi trường và các giải pháp bảo vệ; kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

Chủ đầu tư chỉ được phê duyệt dự án khi có ý kiến thẩm định về thiết kế của cơ quan có thẩm quyền theo quy định và Báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt.

3. Giai đoạn thi công xây dựng:

Trong giai đoạn này, Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm đối với các công tác quản lý dự án, giám sát thi công, giám sát thiết kế, thi công xây dựng, bảo vệ môi trường, đảm bảo an toàn lao động,...theo các quy định pháp luật. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá, xử lý vi phạm liên quan (nếu có) đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn. Với vai trò là cơ quan quản lý ngành, Bộ Công Thương phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh thường xuyên kiểm tra việc thực hiện các quy định liên quan đến chất lượng công trình. Cơ quan quản lý nhà nước về môi trường thường xuyên kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

Trước tình hình biến đổi của thời tiết có xu thế ngày càng cực đoan, đặc biệt là qua các đợt mưa lũ rất lớn trên diện rộng trong thời gian vừa qua tại các tỉnh miền Trung đã gây ra hiện tượng lũ quét bùn đá, sạt lở đất nghiêm trọng ở nhiều nơi, gây thiệt hại lớn về người và tài sản trong khu vực, ngày 22/12/2020, Bộ Công Thương có ban hành Văn bản số 9844/BC-TĐL gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có dự án thủy điện tăng cường thực hiện các biện pháp quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành khai thác dự án/công trình thủy điện. Cụ thể:

- Đối với các dự án thủy điện đã vận hành và đang thi công: Tổ chức kiểm tra, đánh giá tổng thể những mặt tích cực và hạn chế, khó khăn trong quá trình phát triển thủy điện trên địa bàn thời gian vừa qua, trong đó đặc biệt cần phân tích, đánh giá về an toàn các công trình và các vấn đề liên quan đến cộng đồng dân cư bị ảnh hưởng trong điều kiện biến đổi thời tiết khí hậu cực đoan.

- Đối với các dự án thủy điện nhỏ đã có trong quy hoạch nhưng chưa đầu tư xây dựng: Tạm dừng, chỉ triển khai sau khi có kết quả đánh giá đảm bảo không

tác động lớn, tiêu cực đến môi trường và không ảnh hưởng lớn đến dân cư; không chiếm dụng đất rừng tự nhiên và có hiệu quả kinh tế.

- Tiếp tục rà soát quy hoạch thủy điện trên địa bàn tỉnh, kiên quyết loại khỏi quy hoạch các dự án không đảm bảo hiệu quả kinh tế, chiếm dụng rừng tự nhiên, ảnh hưởng lớn đến dân cư và tác động xấu đến môi trường. Chưa xem xét, bổ sung quy hoạch đối với các dự án thủy điện có quy mô công suất nhỏ hơn 10 MW.

- Tăng cường công tác kiểm tra, rà soát các dự án/công trình thủy điện, đặc biệt là các dự án thủy điện nằm trong khu vực có nguy cơ cao xảy ra lũ ống, lũ quét và sạt lở đất, đảm bảo an toàn công trình và đáp ứng các yêu cầu về môi trường, tuân thủ các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng. Xử lý nghiêm các Chủ đầu tư dự án không tuân thủ các quy định của pháp luật trong quá trình đầu tư xây dựng, kể cả xem xét thu hồi giấy phép, dừng thi công để khắc phục.

- Đẩy mạnh rà soát công tác vận hành khai thác các công trình thủy điện, kịp thời điều chỉnh, bổ sung những nội dung chưa phù hợp với điều kiện khí hậu, thủy văn thực tế nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng của xả lũ đối với hạ du; tăng cường kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các chủ đập không tuân thủ đúng quy trình vận hành hồ chứa thủy điện và thực hiện quản lý an toàn đập, hồ chứa thủy điện theo quy định.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của cán bộ chuyên môn trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng, vận hành khai thác các dự án/công trình thủy điện.

- Rà soát, đánh giá những khó khăn, thuận lợi trong quá trình thực hiện công tác quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng và vận hành các dự án/công trình thủy điện trên địa bàn để đề xuất, kiến nghị các biện pháp khắc phục những hạn chế, tồn tại.

Trong thời gian tới, Bộ Công Thương sẽ tổ chức các Đoàn Công tác làm việc trực tiếp với các địa phương để rà soát, kiểm tra hoạt động đầu tư xây dựng và vận hành các dự án/công trình thủy điện.

Trên đây là trả lời của Bộ Công Thương đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai. Trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBTVQH;
- Tổng thư ký Quốc hội;
- Ban Dân nguyện;
- Bộ trưởng, chủ nhiệm VPCP;
- Lãnh đạo Bộ;
- ĐL, ATMT;
- Lưu: VT, KHmth(2b).



Trần Tuấn Anh

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 387 /BTNMT-PC

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2021

V/v trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến
hứ 10, Quốc hội khóa XIV

VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
Số: 88
ĐẾN Ngày: 27/01/2021
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Tài nguyên và Môi trường nhận được ý kiến của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại Công văn số 386/BDN ngày 29/10/2020, sau khi nghiên cứu, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin trả lời như sau:

1. Hiện nay, trong công tác tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất có khó khăn như sau: (1) Điều 7 và Điều 8 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất quy định chưa cụ thể, rõ ràng cơ quan tài nguyên và môi trường có thẩm quyền thẩm định hồ sơ đấu giá quyền sử dụng đất và Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định đấu giá quyền sử dụng đất là cấp nào? Do đó, trong thực tế thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất tại địa phương không tránh khỏi sự lúng túng. (2) Việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất trong khu công nghiệp, khu kinh tế được thực hiện như thế nào? Vì đất trong khu công nghiệp, khu kinh tế không thuộc Quỹ đất được sử dụng để đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 4 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Bộ Tư pháp có văn bản hướng dẫn đối với các nội dung trên



Tại Điều 59, khoản 1 và khoản 2 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 68 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Điều 6, Điều 8 và Điều 12 Thông tư liên tịch số 14/2015/TTLT-BTNMT-BTP ngày 04/4/2015 của liên Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ Tư pháp quy định việc tổ chức thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất để giao đất có thu tiền sử dụng đất hoặc cho thuê đất đã quy định thẩm quyền giao đất, cho thuê đất; các trường hợp giao, cho thuê đất theo hình thức đấu giá và không đấu giá quyền sử dụng đất; thẩm quyền phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất, thẩm quyền quyết định đấu giá quyền sử dụng đất và thẩm quyền phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất; cơ quan tài nguyên và môi trường chỉ đạo lập phương án đấu giá quyền sử dụng đất và trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

Đối với vấn đề đấu giá quyền sử dụng đất trong khu công nghiệp, khu kinh tế đã được Luật Đầu tư năm 2020 quy định cụ thể.

2. Để phục vụ cho việc lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và kế hoạch sử dụng đất kỳ đầu (2021 - 2025) cấp tỉnh. Đề nghị Chính phủ phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để lập phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh; kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh và làm cơ sở cho Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho cấp huyện để lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện thời kỳ 2021 - 2030 và kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện

Vấn đề cử tri nêu đang được các cơ quan có thẩm quyền triển khai thi hành theo quy định của Luật Quy hoạch và các văn bản quy định chi tiết thi hành. Hiện nay, căn cứ Luật Đất đai, Luật Quy hoạch, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có văn bản số 4887/BTNMT-TCQLĐĐ ngày 09/9/2020 gửi Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc báo cáo kết quả thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thời kỳ 2011 - 2020 và đề xuất nhu cầu sử dụng đất thời kỳ 2021 - 2030 và thời hạn phải gửi báo cáo về Bộ Tài nguyên và Môi trường là 30/10/2020. Trên cơ sở quy hoạch sử dụng đất cấp quốc gia thời kỳ 2021-2030 được Quốc hội thông qua, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ tham mưu cho Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương theo quy định pháp luật. Trong thời gian chưa có quy hoạch cấp tỉnh giai đoạn 2021-2030 chưa được phê duyệt, việc lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 11 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

3. Các quy định về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của Luật Đất đai năm 2013 được sửa đổi, bổ sung tại Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch nhưng chưa có Nghị định và Thông tư hướng dẫn. Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm trình Chính phủ ban hành Nghị định, Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm ban hành Thông tư hướng dẫn triển khai lập Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai theo khu chức năng và theo loại đất đến từng đơn vị hành chính cấp huyện trong quy hoạch tỉnh; kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh; quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất cấp huyện theo quy định tại Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch

Về nội dung này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai.

4. Tại Khoản 1, Điều 62 Luật khoáng sản năm 2010 quy định: Một giám đốc điều hành mỏ chỉ được điều hành hoạt động khai thác theo một Giấy phép khai thác khoáng sản, trong khi điều kiện tiêu chuẩn giám đốc điều hành mỏ cao, do vậy khó đáp ứng được, không phù hợp với thực tế tại địa phương nhất là đối với doanh nghiệp khai thác nhiều mỏ, mỏ có quy mô trữ lượng nhỏ (như cát xây dựng, đất san lấp). Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ: Quy định trình độ giám đốc điều hành mỏ phù hợp với từng loại khoáng sản và quy mô mỏ, không nên quy định 01 giám đốc điều hành mỏ chỉ quản lý 01 Giấy phép khai thác khoáng sản

Hiện nay, Bộ Tài nguyên và Môi trường đang tổng kết 09 năm thi hành Luật Khoáng sản, Bộ Tài nguyên và Môi trường ghi nhận ý kiến nêu trên của cử tri tỉnh Cao Bằng và tổng hợp đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật Khoáng sản trong thời gian tới.

5. Theo quy định tại Điều 54 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ thì hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình chưa có quy định về thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản trong khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân tỉnh (quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Khoáng sản năm 2010 đối với trường hợp cấp phép khai thác khoáng sản trong khu vực dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh). Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường kiến nghị với Chính phủ bổ sung thành phần hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản trong khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ

Bộ Tài nguyên và Môi trường ghi nhận ý kiến nêu trên và tổng hợp, đề xuất Chính phủ để sửa đổi, bổ sung Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản trong thời gian tới.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tài nguyên và Môi trường về các vấn đề mà cử tri tỉnh Gia Lai quan tâm. Bộ Tài nguyên và Môi trường xin gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội để trả lời cử tri trong quá trình tiếp xúc cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Dân nguyện-UBTVQH (để báo cáo);
- Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai;
- Lưu VT, PC, DT. 8.

A M



Trần Hồng Hà

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Số: 712 /BTNMT-PC

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri gửi đến
sau Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2021



Kính gửi:

- Ban Dân nguyện-Uỷ ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội các tỉnh: Gia Lai, Kiên Giang, Thái Bình, Thành phố Cần Thơ và Thành phố Hồ Chí Minh. ✓

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Công văn số 11038/VPCP-QHĐP ngày 31 tháng 12 năm 2020 và Công văn số 203/VPCP-QHĐP ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc trả lời kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV, trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao, Bộ Tài nguyên và Môi trường xin trả lời kiến nghị như sau:

1. Các kiến nghị được phân công trả lời tại Công văn số 11038/VPCP-QHĐP ngày 31/12/2020

Câu số 47. Đề nghị xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về giá đất, để thực hiện liên thông, đồng bộ từ Trung ương đến địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý, khai thác, sử dụng quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội (cử tri thành phố Cần Thơ)

Thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội, Nghị quyết của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, Chỉ thị số 02/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã triển khai nhiều hoạt động¹ để triển khai đăng ký đất đai điện tử như hoàn thiện hành lang pháp lý; phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương để hoàn thành việc liên thông thủ tục hành chính về đất đai theo hình thức điện tử; xây dựng Kiến trúc tổng thể hệ thống thông tin đất đai. Tại các địa phương việc xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu đất đai cấp tỉnh gắn với xây dựng Văn phòng đăng ký đất đai một cấp. Hiện nay, 100% Văn phòng Đăng ký đất đai đã ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hồ sơ địa chính, quản lý đất đai; 192/707 đơn vị hành chính cấp huyện đưa cơ sở dữ liệu địa chính vào vận hành, khai thác, sử dụng, đã đưa được hơn 22 triệu thửa đất và hơn 11 triệu hồ sơ địa chính dạng số vào cơ sở dữ liệu đất đai để quản lý, khai thác sử dụng; hơn 90 huyện thuộc 14/63 tỉnh, thành phố đã thực hiện kết nối,

¹Đã được nêu tại Báo cáo số 94/BC-BTNMT ngày 10/10/2018.



liên thông, trao đổi thông tin điện tử giữa cơ quan đăng ký đất đai với cơ quan thuế để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai với người sử dụng đất là hộ gia đình, cá nhân; một số địa phương đã bắt đầu thực hiện dịch vụ công về đất đai trên môi trường điện tử thông qua Cổng dịch vụ công cấp tỉnh như: Đồng Nai, Đà Nẵng, Huế, Long An; thử nghiệm nền tảng để kết nối tới Cổng dịch vụ công quốc gia để thực hiện các thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên môi trường điện tử.

Bộ cũng đang tiếp tục phối hợp với Tổng cục Thuế và một số địa phương để thí điểm thực hiện việc liên thông thủ tục hành chính về đất đai theo hình thức điện tử². Triển khai thực hiện các hạng mục của dự án “Tăng cường Quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai” (Dự án VILG); triển khai xây dựng Đề án Tổng thể xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia, trong đó có việc xây dựng hệ thống thông tin đất đai quốc gia, cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia tập trung, thống nhất trên phạm vi cả nước.

Câu số 48. Khoản 3 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “Trường hợp đất đưa ra đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều này mà không có người tham gia hoặc trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc đấu giá ít nhất là 02 lần nhưng không thành thì Nhà nước thực hiện việc giao đất, cho thuê đất mà không phải đấu giá quyền sử dụng đất”. Tuy nhiên, hiện nay chưa có quy định cụ thể việc xác định giá để giao đất, cho thuê đất trong trường hợp Nhà nước thực hiện việc giao đất, cho thuê đất theo khoản 3 Điều 118 Luật Đất đai năm 2013 như thế nào, có được sử dụng giá khởi điểm do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt để giao đất, cho thuê đất hay không? Đề nghị có văn bản hướng dẫn về nội dung này (cử tri tỉnh Gia Lai)

Tại Điều 49 của Luật Đấu giá tài sản quy định:

² Trong số 08 tỉnh thí điểm: Một số tỉnh đã hoàn thành việc triển khai trên toàn địa bàn với tỷ lệ hồ sơ đăng ký đất đai được tiếp nhận và giải quyết bằng phương thức trao đổi thông tin điện tử liên thông rất cao như: Bình Dương 09/09 địa bàn cấp huyện với tổng số hồ sơ trao đổi theo hình thức điện tử là 65,3% và 82,95% trong số đó được trả kết quả điện tử (do một số hồ sơ có tính phức tạp nên nhận điện tử nhưng trả kết quả bằng giấy); Đà Nẵng 07/08 địa bàn cấp huyện với tổng số hồ sơ trao đổi theo hình thức điện tử là 85,61% và 98,40% trong số đó được trả kết quả điện tử; Trà Vinh 09/09 địa bàn cấp huyện với tổng số hồ sơ trao đổi theo hình thức điện tử là 74,43 % và 99,95% trong số đó được trả kết quả điện tử; Vĩnh Long 08/08 địa bàn cấp huyện với tổng số hồ sơ trao đổi theo hình thức điện tử là 89,5% và 99,7% trong số đó được trả kết quả điện tử. Một số tỉnh/thành phố đã triển khai nhưng mức độ chưa cao như: Thành phố Hồ Chí Minh 10/24 địa bàn cấp huyện với tổng số hồ sơ trao đổi theo hình thức điện tử là 27,38% và 91,6% trong số đó được trả kết quả điện tử; Bà Rịa - Vũng Tàu 05/08 địa bàn cấp huyện với tổng số hồ sơ trao đổi theo hình thức điện tử là 9,92% và 95,06% trong số đó được trả kết quả điện tử. Ngoài 08 tỉnh/thành phố triển khai thí điểm ở trên, tỉnh Bến Tre đã triển khai 09/09 quận/huyện, đã thực hiện luân chuyển điện tử 10.836 hồ sơ trên tổng số hồ sơ luân chuyển là 11.805 hồ sơ, với tỷ lệ hồ sơ đạt 91,97%. Hiện nay, một số tỉnh/thành phố đang đề nghị được triển khai mô hình kết nối liên thông điện tử như: Đồng Tháp, Long An, An Giang, Bình Thuận, Đồng Nai, Lâm Đồng, Huế, Cà Mau, Đắk Lắk, Tiền Giang, Phú Yên,...

“Điều 49. Đấu giá trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá

1. Việc đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá, một người chấp nhận giá chỉ được tiến hành sau khi đã tổ chức cuộc đấu giá lần đầu nhưng không thành và được thực hiện như sau:

a) Trường hợp đấu giá tài sản theo phương thức trả giá lên, khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia đấu giá mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc đấu giá, hoặc có nhiều người tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá, hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và ít nhất bằng giá khởi điểm thì tài sản được bán cho người đó nếu người có tài sản đấu giá đồng ý bằng văn bản;

b) Trường hợp đấu giá theo phương thức đặt giá xuống mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc đấu giá và chấp nhận giá khởi điểm hoặc chấp nhận mức giá sau khi đã giảm thì tài sản được bán cho người đó nếu người có tài sản đấu giá đồng ý bằng văn bản.

2. Việc đấu giá tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều này chỉ được tiến hành sau khi đã thực hiện đầy đủ trình tự, thủ tục đấu giá tài sản theo quy định của Luật này và không có khiếu nại liên quan đến trình tự, thủ tục cho đến ngày tổ chức cuộc đấu giá.

3. Biên bản đấu giá ngoài nội dung quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 44 của Luật này còn phải thể hiện quá trình đấu giá chỉ có một người tham gia đấu giá hoặc chỉ có một người trả giá, chấp nhận giá hợp lệ; ý kiến đồng ý của người có tài sản đấu giá.”

Tại Điều 52 của Luật Đấu giá tài sản quy định:

“Điều 52. Đấu giá không thành

1. Các trường hợp đấu giá không thành bao gồm:

a) Đã hết thời hạn đăng ký mà không có người đăng ký tham gia đấu giá;

b) Tại cuộc đấu giá không có người trả giá hoặc không có người chấp nhận giá;

c) Giá trả cao nhất mà vẫn thấp hơn giá khởi điểm trong trường hợp không công khai giá khởi điểm và cuộc đấu giá được thực hiện theo phương thức trả giá lên;

d) Người trúng đấu giá từ chối ký biên bản đấu giá theo quy định tại khoản 3 Điều 44 của Luật này;

d) Người đã trả giá rút lại giá đã trả, người đã chấp nhận giá rút lại giá đã chấp nhận theo quy định tại Điều 50 của Luật này mà không có người trả giá tiếp;

e) Trường hợp từ chối kết quả trúng đấu giá theo quy định tại Điều 51 của Luật này;

g) Đã hết thời hạn đăng ký mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá trong trường hợp đấu giá tài sản quy định tại Điều 59 của Luật này.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc đấu giá không thành, tổ chức đấu giá tài sản trả lại tài sản, giấy tờ liên quan đến tài sản đấu giá cho người có tài sản đấu giá, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Việc xử lý tài sản đấu giá không thành được thực hiện theo quy định của pháp luật hoặc đấu giá lại theo thỏa thuận giữa người có tài sản đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản.”

Tại Điều 59 của Luật Đấu giá tài sản quy định:

“Điều 59. Tài sản đấu giá trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá

Việc đấu giá tài sản trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá quy định tại Điều 49 của Luật này không áp dụng đối với các tài sản sau đây:

1. Tài sản nhà nước theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản nhà nước;

2. Quyền sử dụng đất khi Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai;

3. Tài sản khác mà pháp luật quy định không đấu giá trong trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá, một người tham gia đấu giá, một người trả giá.”

Theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013 thì giá đất cụ thể được sử dụng trong trường hợp nhà nước giao đất, cho thuê đất không thông qua đấu giá quyền sử dụng đất.

Căn cứ quy định nêu trên đối với trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất mà không có người tham gia hoặc trường hợp chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc đấu giá ít nhất là 02 lần nhưng không thành thì được xem là đấu giá không thành. Do đó, khi nhà nước giao đất, cho thuê đất đối với diện tích đất

nêu trên không được sử dụng giá khởi điểm đã xác định trong cuộc đấu giá không thành trước đó mà phải định giá đất cụ thể theo quy định tại điểm b và điểm c khoản 4 Điều 114 của Luật Đất đai năm 2013.

Câu số 49. Thực hiện quyền thế chấp quyền sử dụng đất đối với trường hợp miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong một thời gian nhất định: Theo khoản 4, Điều 174, Luật Đất đai năm 2013 quy định tổ chức được nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai như trường hợp Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm. Tuy nhiên, các tổ chức, cá nhân đã thực hiện trả tiền sử dụng đất hoặc tiền thuê một lần cho cả thời gian thuê mà được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong một thời gian nhất định (không phải miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời gian thuê) nay có nhu cầu thế chấp thì quy định pháp luật chưa quy định, từ đó gây khó khăn cho cơ quan thực hiện cũng như tổ chức, cá nhân có nhu cầu thế chấp quyền sử dụng đất. Vì vậy, cử tri Kiên Giang đề nghị Chính phủ bổ sung quy định tại Nghị định số 43/2014/NĐ-CP hướng dẫn quyền và nghĩa vụ của tổ chức được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong một thời gian nhất định (không phải miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho cả thời gian thuê) (cử tri tỉnh Kiên Giang)

Về nội dung này, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã có Công văn số 413/BTNMT-PC ngày 26/01/2021 gửi Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 174 Luật Đất đai thì trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án đầu tư vì mục đích lợi nhuận không thuộc trường hợp thực hiện dự án kinh doanh nhà ở mà được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất thì có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật về đất đai như trường hợp không được miễn hoặc không được giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất đối với loại đất có mục đích sử dụng tương ứng.

Đối với trường hợp tổ chức kinh tế được miễn tiền sử dụng đất, tiền thuê đất một số năm nhưng tổ chức kinh tế đã nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất cho thời gian sử dụng đất còn lại vào ngân sách nhà nước thì được thực hiện quyền tương ứng với giá trị quyền sử dụng đất đã nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trong thời gian sử dụng đất còn lại.

2. Các kiến nghị được phân công tại Công văn số 230/VPCP-QHĐP ngày 11/01/2021

Câu số 30. Cử tri cũng đề nghị Nhà nước phải có giải pháp, kịch bản ứng phó với biến đổi khí hậu để giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra như thời gian vừa qua (cử tri tỉnh Thái Bình)

Chính phủ luôn quan tâm chỉ đạo các Bộ, ngành và địa phương tiếp tục có

những giải pháp hiệu quả về thích ứng với biến đổi khí hậu và giảm nhẹ phát thải khí nhà kính để từng bước hạn chế các tác động của biến đổi khí hậu; cập nhật kịp thời kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng, cụ thể:

a) Về giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu

- Tiếp tục xây dựng và ban hành chính sách, pháp luật và các chiến lược, kế hoạch về ứng phó với biến đổi khí hậu. Trước mắt, cần tập trung xây dựng, ban hành các văn bản quy định chi tiết hướng dẫn thi hành các nội dung về ứng phó với biến đổi khí hậu trong Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, bao gồm các quy định về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bảo vệ tầng ô-dôn. Trong đó, xác định rõ nội dung và trách nhiệm của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan và các địa phương về thích ứng với biến đổi khí hậu, giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; quy định chi tiết về hoạt động kiểm kê khí nhà kính. Xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Xây dựng hướng dẫn lồng ghép nội dung ứng phó với biến đổi khí hậu vào chiến lược, quy hoạch; cơ sở dữ liệu quốc gia về biến đổi khí hậu; báo cáo quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu; thực hiện các cam kết quốc tế về biến đổi khí hậu và bảo vệ tầng ô-dôn.

- Tích cực triển khai thực hiện các nội dung đã được đề ra trong Đóng góp do quốc gia tự thực hiện (NDC) cập nhật của Việt Nam, bao gồm cả về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và thích ứng với biến đổi khí hậu. Về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, bằng nguồn lực trong nước, đến năm 2030, Việt Nam sẽ giảm 9% tổng lượng phát thải khí nhà kính so với kịch bản phát triển thông thường (BAU). Mức đóng góp này có thể được tăng lên tới 27% khi nhận được hỗ trợ quốc tế thông qua hợp tác song phương, đa phương và thực hiện các cơ chế mới theo Thỏa thuận Paris về biến đổi khí hậu. Về thích ứng với biến đổi khí hậu, cần xác định các nhiệm vụ chiến lược về thích ứng với biến đổi khí hậu, các giải pháp thích ứng nhằm giảm thiểu thiệt hại gây bởi các tác động liên quan đến những thay đổi của khí hậu trong tương lai; tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 120/NQ-CP của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu và có giải pháp thích ứng, giảm thiểu thiệt hại thiên tai đối với các vùng, miền khác như miền núi phía Bắc, duyên hải miền Trung và Tây Nguyên.

- Đẩy mạnh hợp tác quốc tế về ứng phó với biến đổi khí hậu và huy động, tăng cường nguồn lực đầu tư cho ứng phó với biến đổi khí hậu ở nước ta. Xây dựng các cơ chế huy động và phân bổ nguồn lực về tài chính nhằm khuyến khích, thu hút đầu tư cho thích ứng với biến đổi khí hậu; cơ chế, chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước đầu tư, hỗ trợ thực hiện. Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu; cơ chế, chính sách tăng cường hệ

thống bảo hiểm, chia sẻ rủi ro khí hậu và thiên tai. Đầu tư thực hiện các giải pháp công trình và phi công trình phục vụ thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Về xây dựng, cập nhật kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam

Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng cho Việt Nam đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng, cập nhật và đã công bố vào các năm 2009, 2012 và 2016 nhằm cung cấp những thông tin mới nhất về diễn biến, xu thế biến đổi của khí hậu và nước biển dâng cập nhật số liệu quan trắc, phục vụ việc xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển trong giai đoạn 2011-2020. Sau Kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng năm 2016, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã rà soát, cập nhật đề trình Thủ tướng Chính phủ duyệt đồng ý cho phép công bố. Kịch bản cập nhật có các điểm mới quan trọng so với phiên bản năm 2016, theo đó đã sử dụng các số liệu cập nhật, các kết quả cập nhật nhất của các mô hình khí hậu toàn cầu, phương pháp chi tiết hóa động lực trên 6 mô hình khí hậu khu vực độ phân giải cao, phương pháp cải tiến để hiệu chỉnh kết quả tính toán mưa ngày của các mô hình động lực theo số liệu thực đo tại các trạm quan trắc; cập nhật kịch bản các yếu tố trung bình và một số cực trị khí hậu chi tiết cho 63 tỉnh/thành phố, các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam và chi tiết cho 150 trạm khí tượng; bổ sung kịch bản lượng mưa mùa mưa và mùa khô cho 3 các các vùng khí hậu của Việt Nam; định lượng hóa về biến đổi gió mùa, hạn hán cho các vùng khí hậu. Xây dựng kịch bản nước biển dâng chi tiết cho 28 tỉnh/thành phố ven biển, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa; bổ sung dự tính về kịch bản biến đổi độ cao sóng biển...

Câu số 31. Cử tri đề nghị Chính phủ lưu ý quan tâm đối với công tác nghiên cứu khoa học, nhất là nghiên cứu dự báo các nội dung liên quan đến thiên tai, dịch bệnh... để có chương trình quốc gia về phòng, chống, hạn chế thiệt hại, bảo vệ tài nguyên của đất nước và bảo vệ con người (cử tri Thành phố Hồ Chí Minh)

Để tiếp tục nâng cao chất lượng dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn đáp ứng yêu cầu của xã hội, trong thời gian tới, Bộ Tài nguyên và Môi trường sẽ triển khai:

- Phát triển đồng bộ mạng lưới trạm tự động quan trắc về khí tượng thủy văn, đo mưa, bức xạ, nông nghiệp, xâm nhập mặn theo hướng tăng dày mật độ các trạm tự động lên 70 % so với số lượng hiện có, ưu tiên phát triển tại các khu vực vùng núi các địa phương Bắc Bộ, Trung Bộ, đặc biệt là tại các khu vực thường xuyên có nguy cơ xảy ra các thiên tai liên quan đến bão, nước dâng do

bão, lũ, lũ quét, sạt lở đất, hạn hán, xâm nhập mặn; phát triển mạng lưới trạm khí tượng hải văn tự động bổ sung khu vực biển ven bờ, các trạm phao di động và phao cố định trên các vùng biển ngoài khơi; hiện đại hóa hệ thống trạm quan trắc radar nhằm bảo đảm nâng cao chất lượng ước lượng mưa, gió từ radar.

- Hiện đại hóa, đồng bộ công nghệ dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn, nâng cao chất lượng dịch vụ, thời hạn cảnh báo và dự báo; xây dựng và hoàn thiện hệ thống hỗ trợ dự báo khí tượng thủy văn và cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn, chi tiết các thông tin đến các đơn vị hành chính cấp xã; xây dựng hệ thống truyền phát các bản tin cảnh báo đa thiên tai theo tiêu chuẩn Tổ chức Khí tượng thế giới; đa dạng hóa các hình thức truyền tải thông tin cảnh báo, dự báo, các loại hình sản phẩm dự báo; hoàn thiện hệ thống dự báo dựa trên tác động, cảnh báo dựa trên rủi ro.

- Hoàn thiện trang thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin cho trung tâm dữ liệu Data Center (DC) tại Hà Nội và đầu tư xây dựng DC mới tại thành phố Hồ Chí Minh đảm bảo hệ thống hoạt động có tính dự phòng cao; xây dựng mạng viễn thông dùng riêng phù hợp với quy định của pháp luật về viễn thông cho lĩnh vực khí tượng thủy văn; ứng dụng các sản phẩm công nghệ của cuộc cách mạng 4.0 như dữ liệu lớn (bigdata), trí tuệ nhân tạo (AI), thực tế ảo (VR), tương tác ảo (AR), internet vạn vật (IoT) vào công tác truyền tin, thông tin và dữ liệu khí tượng thủy văn.

- Đẩy mạnh công tác hợp tác quốc tế và trao đổi thông tin khí tượng thủy văn với các nước trong khu vực, trên thế giới để tận dụng được mọi nguồn lực về công nghệ, con người cũng như dữ liệu cho bài toán dự báo, cảnh báo thiên tai.

- Tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, nâng cao nhận thức cho cộng đồng về khí tượng thủy văn thông qua nhiều hình thức, phương tiện truyền thông khác nhau góp phần thúc đẩy hiệu quả công tác phòng chống và giảm nhẹ thiệt hại do thiên tai có nguồn gốc khí tượng thủy văn.

Câu số 32. Đề nghị chỉ đạo xử lý quyết liệt các dự án quy hoạch treo, các dự án nhà ở, dự án nhà ở kết hợp đa chức năng ... mà hàng chục năm không được cấp quyền sử dụng đất, quyền sử dụng căn hộ (cử tri tỉnh Gia Lai)

Vấn đề cử tri nêu, Bộ Tài nguyên và Môi trường đã chỉ đạo Tổng cục Quản lý đất đai có Công văn số 278/TCQLĐĐ-VP ngày 09/02/2021 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai đề nghị kiểm tra, làm rõ các kiến nghị của cử tri, đồng thời đề xuất các giải pháp khắc phục các tồn tại, hạn chế (nếu có) và báo cáo kết quả kiểm tra và giải quyết kiến nghị của cử tri về Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Trên đây là ý kiến trả lời của Bộ Tài nguyên và Môi trường về vấn đề cử tri quan tâm gửi đến Quốc hội sau Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XIV có liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Thứ trưởng;
- Các Tổng cục: Quản lý đất đai; Khí tượng thủy văn;
- Cục Biến đổi khí hậu;
- Lưu VT, VP (TH), PC, DT.20

h m

BỘ TRƯỞNG



Trần Hồng Hà



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 786 /BGTVT-CQLXD

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2021

V/v trả lời kiến nghị cử tri tỉnh Gia

Lai gửi tới sau Kỳ họp thứ 10, Quốc

hội khóa XIV

TÊN QUỐC MÃN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
Số: 97
ĐẾN Ngày: 1.1.2021
Chuyển:
Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Giao thông vận tải (GTVT) nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 427/BDN ngày 18/12/2020, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 32): “Cử tri tỉnh Gia Lai rất vui mừng và phấn khởi khi được bố trí vốn đầu tư, nâng cấp Quốc lộ 19 và Quốc lộ 25. Nhằm tăng cường kết nối giao thông, tạo động lực phát triển kinh tế vùng Tây Nguyên, cử tri đề nghị Chính phủ chỉ đạo Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh triển khai dự án nâng cấp Quốc lộ 19 và Quốc lộ 25”.

Trước tiên, Bộ GTVT trân trọng cảm ơn cử tri và Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai đã quan tâm, góp ý đối với công tác quản lý, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh Gia Lai nhằm giúp công tác quản lý nhà nước của Bộ ngày càng tốt hơn, đáp ứng nhu cầu của xã hội và người dân. Về nội dung kiến nghị của cử tri nêu trên, Bộ GTVT xin trả lời như sau:

Được sự quan tâm, tạo điều kiện của Chính phủ, các Bộ, Ngành Trung ương trong việc hỗ trợ nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng giao thông, góp phần giúp các địa phương phát triển kinh tế - xã hội; từng bước hoàn thiện, quy hoạch phát triển mạng lưới giao thông vận tải và quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tại các tỉnh Bình Định, Phú Yên, Gia Lai nói riêng và khu vực miền Trung - Tây Nguyên nói chung; hiện nay, trên địa bàn tỉnh Gia Lai, Bộ GTVT đã và đang tổ chức triển khai thực hiện: Dự án Tăng cường kết nối giao thông khu vực Tây Nguyên (sau đây gọi tắt là Dự án Quốc lộ 19) sử dụng vốn vay của Ngân hàng Thế giới và Dự án Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 25 (sau đây gọi tắt là Dự án Quốc lộ 25) sử dụng nguồn vốn dự trung hạn giai đoạn 2016 - 2020.

Để đẩy nhanh tiến độ triển khai các Dự án nêu trên, Bộ GTVT đã và đang quyết liệt chỉ đạo các Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án tập trung triển khai thực hiện các Dự án theo tiến độ yêu cầu. Đến nay, Dự án Quốc lộ 25 đã hoàn thành công tác phê duyệt hồ sơ thiết kế và dự toán, hoàn thành công tác lựa chọn nhà thầu thi công; các gói thầu xây lắp đã khởi công trong tháng 7 năm 2020 và phần đầu hoàn thành Dự án trong tháng 7 năm 2021; riêng đối với đoạn bổ sung khoảng 9,4 Km, Bộ GTVT đã phê duyệt dự án đầu tư ngày 27/11/2020, Ban QLDA 6 đang tổ chức triển khai thực hiện, dự kiến hoàn thành đoạn nêu trên vào cuối năm 2021. Đối với Dự án Quốc lộ 19, Bộ GTVT đã tích cực đôn đốc

Ph

các đơn vị khẩn trương hoàn thiện công tác triển khai thiết kế kỹ thuật của Dự án; trong Quý I/2021 sẽ hoàn thành công tác thiết kế kỹ thuật và khởi công Dự án; tổ chức thi công hoàn thành Dự án trong năm 2023.

Trong quá trình triển khai các Dự án, Bộ GTVT mong muốn Lãnh đạo UBND tỉnh Gia Lai tiếp tục quan tâm, chỉ đạo các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị liên quan của địa phương phối hợp chặt chẽ, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, đặc biệt là tuyên truyền, vận động đến người dân, cử tri trong khu vực tạo điều kiện thuận lợi trong công tác giải phóng mặt bằng, an toàn giao thông, an ninh trật tự,... để triển khai các Dự án đảm bảo chất lượng, tiến độ, sớm hoàn thành các Dự án đưa vào khai thác sử dụng, góp phần vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư.

Trên đây là trả lời của Bộ GTVT đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri và rất mong tiếp tục nhận được sự quan tâm, góp ý của cử tri đối với ngành Giao thông vận tải./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Lê Anh Tuấn;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban TWMTTQ Việt Nam;
- Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Gia Lai;
- Văn phòng Bộ (để tổng hợp);
- Công thông tin điện tử Bộ GTVT;
- Lưu: VT, CQLXD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



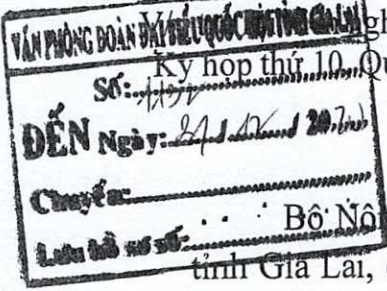
* Nguyễn Ngọc Đông

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8948 /BNN-TCTL

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2020



ghị của cử tri gửi tới
Ky họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai /

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, do Ban Dân nguyện chuyển đến theo công văn số 386/BDN ngày 29 tháng 10 năm 2020, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 57)

Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn cụ thể về “nội dung quản lý công trình thủy lợi của Ủy ban nhân dân tỉnh” để Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thực hiện tham mưu theo đúng quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 và Luật Thủy lợi năm 2017. Vì, Luật Thủy lợi 2017 quy định nội dung quản lý công trình thủy lợi của Ủy ban nhân dân tỉnh chưa rõ ràng.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin trả lời như sau:

Chương IV Luật Thủy lợi quy định về quản lý, khai thác công trình thủy lợi và vận hành hồ chứa thủy điện phục vụ thủy lợi. Trong đó, quy định trách nhiệm quản lý công trình thủy lợi sử dụng vốn Nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tại Điều 21, Điều 22, Điều 23 và Điều 24.

Bên cạnh đó, trách nhiệm quản lý nhà nước về thủy lợi của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định tại Điều 53, Điều 54, Điều 56, Điều 57 và một số điều khoản khác của Luật Thủy lợi, văn bản hướng dẫn Luật.

Đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo cơ quan liên quan tổ chức nghiên cứu, tập huấn các nội dung, quy định của pháp luật về thủy lợi, đảm bảo các quy định của Luật được triển khai đồng bộ, đạt hiệu quả cao.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHĐP);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, TCTL (QLCT).



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Cường

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 8964/BNN-TCLN

Hà Nội, ngày 18 tháng 12 năm 2020

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI
Số: 1135
ĐẾN Ngày: 24/12/2020
Chuyên:
Lưu hồ sơ số:

kiến nghị của cử tri gửi tới
họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, do Ban Dân nguyện - Ủy ban Thường vụ Quốc hội chuyển đến tại công văn số 386/BDN ngày 29/10/2020, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị:

Câu số 41: Đề nghị quy định ngân sách Trung ương đầu tư 100% nguồn vốn cho công tác trồng rừng phòng hộ, đặc dụng; Tăng mức hỗ trợ đầu tư trồng rừng sản xuất đối với các loài cây sản xuất gỗ lớn với mức hỗ trợ từ 8 triệu/ha lên 15 triệu đồng/ha đến 20 triệu đồng/ha; trồng các loài cây sản xuất gỗ nhỏ với mức hỗ trợ từ 5 triệu đồng/ha lên 10 triệu đồng/ha.

Câu số 42: Mức hỗ trợ bảo vệ rừng tự nhiên theo Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ 200.000 đồng/ha/năm kết thúc vào năm 2020. Đề nghị Bộ tham mưu Chính phủ quy định mức hỗ trợ giao nhiệm vụ công ích cho các công ty lâm nghiệp lên 300.000 đồng đến 400.000 đồng/ha/năm để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ được giao.

Câu số 87: Đề nghị cấp kinh phí thực hiện Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp. Tổng kinh phí đã ứng trong 02 năm 2019, 2020 là 46.792,69 triệu đồng. Đến nay Trung ương vẫn chưa cấp cho tỉnh.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xin trả lời như sau:

Câu số 41:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ghi nhận đề nghị của cử tri tỉnh Gia Lai. Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang nghiên cứu, xây dựng Nghị định về chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp, dự kiến trình Chính phủ ban hành trong năm 2021, trong đó, có cơ chế, chính sách về phát triển rừng. Trong quá trình xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ cùng các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách đảm bảo hài hòa khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và yêu cầu thực tiễn, tạo động lực kinh tế, khuyến khích người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

Câu số 42:

Tại khoản 1 Điều 91 Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp có quy định:

“Các chương trình, dự án và hoạt động bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản được Nhà nước đầu tư, hỗ trợ đầu tư và ưu đãi đầu tư theo các chính sách hiện hành được tiếp tục thực hiện cho đến khi Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành chính sách mới”.

Tại điểm h và i khoản 1 Điều 91 quy định:

“h) Đối với diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp đóng cửa rừng được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí để bảo vệ. Mức hỗ trợ áp dụng quy định tại khoản 3 Điều 6 Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

i) Khi Nhà nước ban hành các chính sách thay thế các chính sách quy định tại khoản này thì áp dụng các chính sách đó.”.

Như vậy, theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Nghị định 156/2018/NĐ-CP, các chính sách đầu tư về lâm nghiệp được tiếp tục thực hiện đến khi Chính phủ ban hành các chính sách mới thay thế, trong đó có nội dung hỗ trợ kinh phí bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp.

Về đề nghị tăng mức hỗ trợ: Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang nghiên cứu, xây dựng Nghị định về chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp, dự kiến trình Chính phủ ban hành trong năm 2021, trong đó, có cơ chế, chính sách về hỗ trợ bảo vệ rừng. Trong quá trình xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ cùng các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách đảm bảo hài hòa khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và yêu cầu thực tiễn, tạo động lực kinh tế, khuyến khích người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

Câu số 87:

Thực hiện quy định của Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019, Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; và các quy định của pháp luật liên quan. Đề nghị Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai kiến nghị Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và địa phương có liên quan xây dựng, phê duyệt dự án Bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn theo quy định, tổng hợp vào kế

hoạch đầu tư công của tỉnh, gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định;

Về đề nghị cấp kinh phí thực hiện Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ trong 02 năm 2019, 2020 cho Tỉnh là 46.792,69 triệu đồng, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai rà soát, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư xem xét, báo cáo cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định của Luật Đầu tư công.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHĐP);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, TCLN.



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Cường

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2020

VĂN PHÒNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI 8061 /BNN-TCLN

Số: 1021 V/v trả lời kiến nghị của cử tri gửi tới

ĐẾN Ngày: 24/12/2020 Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV

Chuyên:

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Lưu hồ sơ số:

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, do Ban Dân nguyện chuyển đến theo công văn số 386/BDN ngày 29/10/2020, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 40)

Đề nghị Bộ tham mưu Chính phủ có quy định riêng, đặc thù cho vùng Tây Nguyên, thời gian tới ngoài huy động các nguồn lực từ doanh nghiệp, cần khuyến khích các hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư sống gần rừng tham gia công tác trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng, đã được phê duyệt tại Quyết định 297/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về “Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016 - 2030” với mục tiêu: “Ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng mất rừng, từng bước khôi phục, phát triển rừng. Đến năm 2030, diện tích rừng đạt khoảng 2,72 triệu ha, nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 49,2%; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của khu vực Tây Nguyên”.

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trả lời như sau:

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang nghiên cứu, xây dựng Nghị định về chính sách đầu tư bảo vệ và phát triển rừng, chế biến và thương mại lâm sản trong lâm nghiệp, dự kiến trình Chính phủ ban hành trong năm 2021, trong đó, có cơ chế, chính sách về bảo vệ và phát triển rừng. Trong quá trình xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ cùng các Bộ, ngành, địa phương nghiên cứu đề xuất các cơ chế, chính sách đảm bảo hài hòa khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và yêu cầu thực tiễn, tạo động lực kinh tế, khuyến khích người dân tham gia bảo vệ và phát triển rừng, như kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vu QHDP);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, TCLN.



Nguyễn Xuân Cường

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9215 /BNN-TCLN

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2020

VIỆN TỔNG ĐOÀN ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TỈNH GIA LAI
Số: 36/149 Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV

Ngày: 30.12.2020

Chuyển:

Lưu hồ sơ số:

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 386/BDN, ngày 29/10/2020, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 39)

Thời gian qua, dưới sự tác động của biến đổi khí hậu, môi trường làm ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế, xã hội của khu vực Tây nguyên khi dịch bệnh ở cây trồng xuất hiện ngày càng nhiều, với quy mô tác động gây hậu quả càng lớn. Nhằm bảo vệ môi trường, bảo vệ nguồn nước cho khu vực miền Trung, Tây Nguyên, đề nghị quan tâm hơn, quyết liệt chỉ đạo thực hiện trồng rừng phòng hộ, đặc biệt là các cây gỗ lớn, gỗ quý, quan tâm phân bổ kịp thời kinh phí cho tỉnh triển khai thực hiện. Đồng thời, quy định rõ tiêu chí độ che phủ rừng, tránh lợi dụng phá rừng tự nhiên, trồng các loại cây khác và tính vào độ che phủ rừng.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

1. Trên cơ sở đề xuất của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ngày 18/3/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Đề án bảo vệ, khôi phục và phát triển rừng bền vững vùng Tây Nguyên giai đoạn 2016-2030 tại Quyết định số 297/QĐ-TTg, với mục tiêu: Đến năm 2030, diện tích rừng vùng Tây Nguyên đạt khoảng 2,72 triệu ha, nâng tỷ lệ che phủ rừng lên 49,2%; quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn đa dạng sinh học, cung cấp các dịch vụ môi trường rừng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, trật tự an toàn xã hội của khu vực Tây Nguyên.

2. Phát triển rừng trồng gỗ lớn là nội dung quan trọng trong Đề án tái cơ cấu ngành Lâm nghiệp được Chính phủ quan tâm chỉ đạo thực hiện, nhằm nâng cao chất lượng và giá trị rừng trồng, phát huy vai trò phòng hộ, bảo vệ môi trường và tạo nguồn nguyên liệu bền vững cho chế biến và xuất khẩu. Trong Chương trình mục tiêu phát triển Lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016 – 2020, mục tiêu trồng rừng sản xuất gỗ lớn giai đoạn 2015-2020 là 200.000 ha. Đến nay thực hiện được 263.640 ha/200.000 ha rừng trồng thâm canh gỗ lớn (đạt 132% mục tiêu).

Nhà nước đã có một số chính sách khuyến khích phát triển rừng trồng sản xuất cây gỗ lớn, như: hỗ trợ 5 đến 10 triệu đồng/ha cho trồng rừng sản xuất quy

định tại Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 và hỗ trợ 8 triệu đồng/ha quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/09/2016. Các chính sách này được áp dụng cho cả trồng rừng các loài cây gỗ quý.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đang xây dựng Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 và Chiến lược phát triển Lâm nghiệp giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, trong đó, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tiếp tục đề xuất với Chính phủ đẩy mạnh việc trồng rừng gỗ lớn, gỗ quý trong các giai đoạn tiếp theo.

3. Tiêu chí rừng tính độ che phủ được quy định tại khoản 3 Điều 2 Luật Lâm nghiệp năm 2017 và Điều 4, Điều 5 Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Lâm nghiệp, cụ thể như sau:

- Đối với rừng tự nhiên: “Diện tích liền vùng từ 0,3 ha trở lên; Độ tàn che của các loài cây thân gỗ, ... từ 0,1 trở lên; Chiều cao trung bình của cây rừng từ 5,0 m trở lên (Đối với cây trên đất ngập nước, ngập phèn từ 1,0 m trở lên)”;

- Đối với rừng trồng: “Diện tích liền vùng từ 0,3 ha trở lên; Độ tàn che của các loài cây thân gỗ, ... từ 0,1 trở lên; Chiều cao trung bình của cây rừng từ 5 m trở lên (Đối với cây trồng trên cát, ngập mặn từ 1,0 m trở lên)”.

- Về kiểm kê rừng: Quy định tại khoản 3 Điều 34 Luật Lâm nghiệp năm 2017 và khoản 2 Điều 25 Thông tư 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

- Về theo dõi diễn biến rừng hàng năm: Quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật Lâm nghiệp năm 2017 và điểm b, c và d khoản 4 Điều 33 Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Ban Dân nguyện;
- VPCP (Vụ QHĐP);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, TCLN.

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Xuân Cường

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9214 /BNN-TCCB

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2020

Kiến nghị của cử tri gửi tới
Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV.

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai ✓

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, do Ban Dân nguyện chuyển đến theo công văn số 386/BDN ngày 29 tháng 10 năm 2020, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 43)

Đối với công chức Kiểm lâm địa bàn trên 55 tuổi, sức khỏe hạn chế khó đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thường xuyên tuần tra, kiểm tra rừng, đặc biệt Gia Lai là địa bàn rộng có diện tích tự nhiên trên 1,5 triệu ha; đề nghị Bộ tham mưu Chính phủ xem xét cho phép nghỉ hưởng chế độ như lực lượng vũ trang, để bổ sung những người có đủ sức khỏe, trình độ để thay thế các vị trí được nghỉ, nâng cao chất lượng Kiểm lâm địa bàn.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động làm việc và được hưởng các chế độ theo quy định (theo Luật Cán bộ, công chức; Luật viên chức; Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản quy định, hướng dẫn có liên quan) trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, vị trí việc làm được phân công.

Do tính chất và điều kiện làm việc khó khăn, kiểm lâm viên và đặc biệt là kiểm lâm địa bàn đã được Nhà nước cho hưởng nhiều chế độ, chính sách so với công chức khác, như phụ cấp thâm niên nghề, phụ cấp ưu đãi nghề, phụ cấp nặng nhọc độc hại và chế độ phụ cấp khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHĐP);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, TCCB (5B)



BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Xuân Cường

**BỘ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 9205 /BNN-VPĐP	
Số: 04	V/v trả lời kiến nghị cử tri gửi tới
Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khóa XIV	
ĐẾN Ngày: 12/12/2020	
Chuyển:.....	
Lưu hồ sơ số:.....	

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2020

Kính gửi: Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai

Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhận được kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, do Ban Dân nguyện chuyển đến theo Công văn số 386/BDN ngày 29/10/2020, nội dung kiến nghị như sau:

Nội dung kiến nghị (Câu số 86)

Đề nghị sớm ban hành nguyên tắc tiêu chí định mức phân bổ vốn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Theo đó, đề nghị giao cho các địa phương “căn cứ tình hình thực tế của địa phương, chủ động phân bổ nguồn vốn được giao” đảm bảo triển khai hoàn thành kế hoạch xây dựng nông thôn mới của các địa phương.

Bộ Nông nghiệp và PTNT xin trả lời như sau:

Thực hiện Nghị quyết số 100/2019/QH14 ngày 27/11/2019 của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại kỳ họp thứ 8, Quốc hội khóa XIV; Quyết định số 357/QĐ-TTg ngày 10/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai Kết luận số 54-KL/TW ngày 07/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan hoàn thiện Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Sau đây gọi tắt là *Chương trình*). Chính phủ đã có Báo cáo số 574/BC-CP ngày 29/10/2020 về báo cáo chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2021-2025, Tờ trình số 575/TTr-CP ngày 29/10/2020 trình Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2021-2025. Tuy nhiên, theo Công văn số 4026/TTKQH-TH ngày 04/11/2020 của Tổng thư ký Quốc hội thông báo ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho rằng chủ trương đầu tư Chương trình giai đoạn 2021-2025 là nội dung lớn, cần chuẩn bị kỹ lưỡng, bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của Luật Đầu tư công và các luật khác có liên quan, đồng thời phù hợp với các kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021-2025 nên chưa trình Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 để Chính phủ tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện.

Do đó, thực hiện ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sẽ tổng hợp và tiếp tục phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành Trung ương có liên quan hoàn thiện nội dung Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư của Chương trình giai

đoạn 2021-2025 (trong đó có nguyên tắc, cơ chế phân bổ vốn ngân sách Trung ương cho các địa phương như kiến nghị của cử tri) để báo cáo Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Quốc hội phê duyệt theo quy định.

Trên đây là trả lời của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với kiến nghị của cử tri tỉnh Gia Lai, trân trọng gửi tới Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Gia Lai để trả lời cử tri./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng;
- Ban Dân nguyện;
- Văn phòng Chính phủ (Vụ QHĐP);
- VP Bộ (Phòng Tổng hợp);
- Lưu: VT, VPĐP.



BỘ TRƯỞNG

[Handwritten signature]
Nguyễn Xuân Cường